

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2026/HS-ST
Ngày: 13-3-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hữu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lý Thanh Phong
- Ông Lê Hoàng Điệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Quốc- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 6 - Cần Thơ tiến hành mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2026/TLST-HS ngày 13/02/2026; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2026 đối với:

1. Bị cáo: Lê Minh T, sinh ngày 18 tháng 06 năm 2004; nơi sinh: thành phố Cần Thơ; nơi đăng ký thường trú: ấp C, xã H, thành phố Cần Thơ; số căn cước: 094204008079; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; ông Lê Văn H, sinh năm 1970 (sống) và bà La Thị Mỹ N, sinh năm 1984 (sống); vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/7/2025 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố C. (Có mặt).

2. Bị cáo: Võ Văn Đ, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2007; nơi sinh: thành phố Cần Thơ; nơi đăng ký thường trú: ấp Đ, xã H, thành phố Cần Thơ; số căn cước: 094207003133; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Võ Văn H1, sinh năm 1979 (sống) và bà Đỗ Thị T1, sinh năm 1987 (sống); vợ, con:

chưa có; tiền sự: 01 tiền sự, bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chấp hành xong ngày 10/10/2024; Tiền án, không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/7/2025 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố C. (Có mặt).

3. *Bị cáo*: Phạm Đức T2 (Tuấn L), sinh ngày 04 tháng 5 năm 1987; nơi sinh: thành phố Cần Thơ; nơi đăng ký thường trú: Số D, Hoàng Văn H2, khu phố A, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện nay: ấp B, xã Đ, thành phố Cần Thơ; số căn cước: 094087000186; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Phạm Công D, sinh năm 1966 (sống) và bà Nguyễn Thị Mỹ G, sinh năm 1968 (sống); con: 01 người sinh năm 2012; tiền sự, tiền án: không; nhân thân: Ngày 28/3/2008 bị Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội cướp giật tài sản và ngày 11/9/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 04 năm tù về tội cướp tài sản (đã xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/8/2025 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố C. (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo T2: Ông Lý B – Luật sư Văn phòng L3 – Đoàn Luật sư thành phố C. (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ.

- Người làm chứng:

1. Ông Hà Chí L1, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, thành phố Cần Thơ.

Hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố C.

2. Ông Ngô Hoài N1, sinh 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, thành phố Cần Thơ.

Hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố C.

3. Ông Trần Nhựt T3, sinh năm 2004 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 23/7/2025, Võ Văn Đ (sinh ngày 05/9/2007, nơi cư trú ấp Đ, xã H, thành phố Cần Thơ) nhắn tin qua Messenger cho Phạm Đức T2 (sinh ngày 04/5/1987, nơi đăng ký thường trú: Số D, Hoàng Văn H2, khu

phố A, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện nay: ấp B, xã Đ, thành phố Cần Thơ) hỏi mua thiếu 200.000 đồng ma túy đá thì T2 đồng ý, T2 kêu Đ đi đến Phòng số 05 Nhà nghỉ B3 để lấy ma túy, sau đó Đ một mình điều khiển xe mô tô đến Nhà nghỉ B3 gặp T2, lúc này T2 đưa cho Đ 01 cái nỏ, bên trong nỏ có sẵn ma túy sau đó Đ cầm nỏ đi đến quán C thuộc ấp C, xã H, thành phố Cần Thơ uống cà phê cùng với Lê Minh T (sinh ngày 18/6/2004, nơi cư trú: ấp C, xã H, thành phố Cần Thơ). Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Đ rủ T cùng sử dụng ma túy thì T đồng ý, Đ và T đi qua chòi số 01 quán cà phê Ngọc Á, Đ lấy chai nhựa trên nắp có khoét 02 lỗ, 01 lỗ gắn đoạn ống hút có sẵn tại chòi số 01, sau đó Đ lấy cái nỏ có chứa ma túy gắn vào 01 lỗ còn lại trên nắp chai nhựa để cùng với T sử dụng ma túy nhưng chưa sử dụng thì thấy lực lượng Công an đi tuần ngang, khi thấy lực lượng Công an thì Đại quăng bỏ cái nỏ chứa ma túy và cùng T bỏ chạy ra khỏi chòi số 01 thì bị lực lượng Công an bắt giữ, qua làm việc Đ, T khai nhận đang sử dụng ma túy thì thấy lực lượng Công an nên bỏ chạy, tiến hành test nhanh Đ và T đều dương tính với ma túy, loại Methamphetamine, nên lực lượng Công an lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ các vật chứng có liên quan, niêm phong và gửi giám định theo quy định.

Trong quá trình điều tra Võ Văn Đ và Lê Minh T còn khai nhận, Đ và T còn sử dụng ma túy chung với nhau 05 lần vào các ngày 10/7/2025, 12/7/2025, 14/7/2025, 16/7/2025 và ngày 22/7/2025 tại quán cà phê Ngọc Á, ma túy sử dụng vào các ngày 10/7/2025, 12/7/2025, 14/7/2025 và 16/7/2025 do Đ và T hùn tiền mỗi người 100.000 đồng để mua của Phạm Đức T2, còn ma túy sử dụng vào ngày 22/7/2025 là do Đ mua thiếu của Phạm Đức T2 200.000 đồng, dụng cụ sử dụng ma túy có sẵn tại chòi số 01 quán cà phê Ngọc Á.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn chứng minh được Phạm Đức T2 đã 13 lần bán ma túy cho nhiều người tại quán cà phê Ngọc Á và tại nhà nghỉ B3 thuộc ấp C, xã H, thành phố Cần Thơ với tổng số tiền bán ma túy là 2.510.000 đồng, cụ thể như sau:

- Bán cho Lê Minh T 01 lần với số tiền 200.000 đồng.
- Bán cho Võ Văn Đ 05 lần, mỗi lần 200.000 đồng.
- Bán cho Trần Nhựt T3 03 lần, mỗi lần 200.000 đồng.
- Bán cho Hà Chí L1 02 lần, lần 200.000 đồng và lần 110.000 đồng.
- Bán cho Ngô Hoài N1 02 lần, mỗi lần 200.000 đồng.

Ngoài những lần bán ma túy trên, T2 khai nhận T2 còn bán ma túy cho nhiều người nhưng không biết họ tên, địa chỉ và do thời gian đã lâu nên T2 không nhớ cụ thể số lần bán cũng như số tiền đã bán ma túy của từng lần.

Tại bản kết luận giám định số 219/KL-KTHS ngày 01/8/2025 của Phòng K Công an thành phố C kết luận: 04 đoạn ống nhựa, một đầu hàn kín một đầu hở một đầu hở trong có dính tinh thể không màu và 01 nỗ thủy tinh đã qua sử dụng có tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine.

Tại bản kết luận giám định số 498/2025/KLGD ngày 26/12/2025 của Trung tâm P, kết luận: Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội và hiện tại Phạm Đức T2 bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

Tại bản Cáo trạng số 44/CT-VKSKV6 ngày 12/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ đã truy tố: Lê Minh T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, quy định tại các điểm a, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025), bị cáo Võ Văn Đ về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025) và bị cáo Phạm Đức T2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025).

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Cáo trạng số 44/CT-VKSKV6 ngày 12/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ; Tuyên bố bị cáo Lê Minh T, Võ Văn Đ phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và bị cáo Phạm Đức T2 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và đề nghị:

Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 255, điểm r, s, t khoản 1 Điều 51, Điều 17, khoản 1 Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Minh T từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255, điểm r, s, t khoản 1 Điều 51, Điều 17, khoản 1 Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự, Điều 119, điểm a khoản 1 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên, xử phạt bị cáo Võ Văn Đ T4 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Đức T2 từ 08 năm đến 09 năm tù.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

+ Tịch thu tiêu hủy đối với vật chứng là công cụ dùng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng, gồm: 01 bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy, 01 đoạn ống thủy tinh thẳng có 01 đầu uốn cong bị bể, 02 đoạn ống thủy tinh thẳng,

05 cái quạt gas, 03 đoạn ống nhựa màu trắng cắt xéo 01 đầu, 01 lưỡi lam bị bể làm hai, 04 đoạn ống nhựa hàn kín một đầu.

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước đối với vật chứng là phương tiện dùng vào việc phạm tội gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh đã qua sử dụng, 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG màu xanh đã qua sử dụng.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Phạm Đức T2 trình bày: Về tội danh, khung hình phạt thống nhất với Cáo trạng của Viện kiểm nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ; về tình tiết giảm nhẹ thống nhất với các tình tiết giảm nhẹ mà Kiểm sát viên đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo T2. Ngoài ra, bị cáo T2 là người có hạn chế về nhận thức và điều khiển hành vi nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho bị cáo Phạm Đức T2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trong phần lời nói sau cùng các bị cáo trình bày ý kiến xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt những người làm chứng. Xét thấy, những người làm chứng được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, những người làm chứng Hà Chí L1, Ngô Hoài N1 có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm

chứng Trần Nhật T3 vắng mặt không lý do. Tuy nhiên, việc vắng mặt của của những người làm chứng không gây trở ngại đến việc xét xử và tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo có mặt tại phiên tòa không yêu cầu hoãn phiên tòa. Cho nên, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, năm 2025) xét xử vắng mặt những người làm chứng nói trên.

- Về nội dung:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Lê Minh T, Võ Văn Đ, Phạm Đức T2 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo. Xét lời thừa nhận tội của các bị cáo Lê Minh T, Võ Văn Đ, Phạm Đức T2 tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với các lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng bản kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án. Do đó, có cơ sở để xác định: Vì muốn thỏa mãn nhu cầu cá nhân, vào các ngày 10/7/2025, 12/7/2025, 14/7/2025, 16/7/2025, Lê Minh T và Võ Văn Đ (17 tuổi 10 tháng 06 ngày) hùn tiền mỗi người 100.000 đồng để mua ma túy đá của Phạm Đức T2 sau đó cùng nhau sử dụng tại chòi số 01 quán C thuộc ấp C, xã H, thành phố Cần Thơ. Ngoài ra vào ngày 22/7/2025 và ngày 23/7/2025 Võ Văn Đ còn mua ma túy đá của Phạm Đức T2 02 lần, mỗi lần 200.000 đồng để tổ chức cho Lê Minh T sử dụng tại quán C thuộc ấp C, xã H, thành phố Cần Thơ.

Đối với Phạm Đức T2 để có tiền tiêu xài cá nhân và có ma túy để sử dụng, T2 đã nhiều lần mua ma túy của một người thanh niên tên L2 (chưa rõ nhân thân) ở khu vực thành phố N mục đích để sử dụng và chia nhỏ bán lại kiếm lời, vào tháng 7/2025 và tháng 8/2025 tại quán cà phê Ngọc Á và tại nhà nghỉ B3 thuộc ấp C, xã H, thành phố Cần Thơ, T2 đã 13 lần bán ma túy cho nhiều người với tổng số tiền là 2.510.000 đồng.

Do đó, Cáo trạng số 44/CT-VKSKV6 ngày 12/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ đã truy tố: Lê Minh T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, quy định tại các điểm a, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025), bị cáo Võ Văn Đ về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025) và bị cáo Phạm Đức T2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Minh T, Võ Văn Đ, Phạm Đức T2 là rất nguy hiểm, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Ngoài ra, hành vi phạm tội của các bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Cho nên, đối với bị cáo cần phải xử nghiêm, để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và góp phần phòng ngừa tội phạm.

Trong vụ án này, đối với tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy khi thực hiện hành vi phạm tội giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể, nên phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Để cá thể hóa hình phạt của từng bị cáo, cần xét tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của từng bị cáo như sau:

[3.1] Đối với bị cáo Võ Văn Đ: Bị cáo là người khởi xướng trong việc sử dụng ma túy, là người cung cấp ma túy cũng như hùn tiền với Lê Minh T để mua ma túy cùng nhau sử dụng. Do đó, đối với bị cáo cần phải xử nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét cho bị cáo là bị cáo không có tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo thật thà khai báo, tự thú ra những lần phạm tội trước; bị cáo Đ đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong việc khai báo, nhận dạng để phát hiện thêm hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Đức T2; khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên theo quy định tại điểm s, r, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 119; điểm a khoản 1 Điều 179 Luật tư pháp chưa thành niên sự để giảm cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3.2] Đối với bị cáo Lê Minh T: Bị cáo là đồng phạm tích cực trong vụ án, bị cáo là người rủ rê bị cáo Đ sử dụng ma túy lần đầu tiên và các lần sau khi được bị cáo Đ rủ hùn tiền mua ma túy thì bị cáo đồng ý, cụ thể vào các ngày 10/7/2025, 12/7/2025, 14/7/2025, 16/7/2025 mỗi lần bị cáo T hùn 100.000 đồng. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét cho bị cáo là bị cáo không có tình tiết tăng nặng; bị cáo có tình tiết giảm nhẹ là sau khi phạm tội bị cáo thật thà khai báo; bị cáo tự thú ra những lần phạm tội trước; bị cáo đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong việc khai báo, nhận dạng để phát hiện thêm hành vi phạm tội của Phạm Đức T2; bị cáo có nhân thân tốt theo quy định tại điểm s, r, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu là đúng quy định của pháp luật.

[4] Đối với bị cáo Phạm Đức T2: Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, bị cáo T2 đã nhiều lần mua ma túy của một người thanh niên tên L2 (chưa rõ nhân thân) ở khu vực thành phố N mục đích để sử dụng và chia nhỏ bán lại kiếm lời, từ tháng 7/2025 và tháng 8/2025 tại quán cà phê Ngọc Á và tại

nhà nghỉ B3 thuộc ấp C, xã H, thành phố Cần Thơ, T2 đã 13 lần bán ma túy cho nhiều người. Do đó, đối với bị cáo T2 cũng cần xử nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét cho bị cáo là bị cáo không có tình tiết tăng nặng; tình tiết giảm nhẹ là sau khi phạm tội bị cáo thật thà khai báo; bị cáo bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi theo quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu là đúng quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Không phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy đối với vật chứng là công cụ dùng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng, gồm: 01 bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy, 01 đoạn ống thủy tinh thẳng có 01 đầu uốn cong bị bể, 02 đoạn ống thủy tinh thẳng, 05 cái quẹt gas, 03 đoạn ống nhựa màu trắng cắt xéo 01 đầu, 01 lưới lam bị bể làm hai, 04 đoạn ống nhựa hàn kín một đầu.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước đối với vật chứng là phương tiện dùng vào việc phạm tội gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh đã qua sử dụng, 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG màu xanh đã qua sử dụng.

[6] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Lời đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Phạm Đức T2 là có căn cứ chấp nhận một phần; đối với đề nghị của người bào chữa về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ là bị cáo T2 là người có hạn chế về nhận thức và điều khiển hành vi theo quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là chưa đủ căn cứ vì bị cáo T2 bị hạn chế nhận thức và điều khiển hành vi là do bị cáo T2 sử dụng chất kích thích chứ không phải do bị cáo T2 bị bệnh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Đối với người thanh niên tên L2 bán ma túy cho bị cáo Phạm Đức T2: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể của người này, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra làm rõ, khi có căn cứ sẽ xem xét, xử lý sau.

[9] Về án phí: Các bị cáo Lê Minh T, Võ Văn Đ, Phạm Đức T2 là người bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 255, điểm r, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, khoản 1 Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự, đối bị cáo bị cáo Lê Minh T.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 255, điểm r, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, khoản 1 Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điều 119, điểm a khoản 1 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Võ Văn Đ.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Phạm Đức T2.

- Căn cứ vào điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Minh T, Võ Văn Đ phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và bị cáo Phạm Đức T2 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

2. Xử phạt bị cáo Lê Minh T 07 (B1) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/7/2025.

3. Xử phạt bị cáo Võ Văn Đ 04 (B2) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/7/2025.

4. Xử phạt bị cáo Phạm Đức T2 08 (T5) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/8/2025.

5. Về xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy, 01 đoạn ống thủy tinh thẳng có 01 đầu uốn cong bị bể, 02 đoạn ống thủy tinh thẳng, 05 cái quạt gas, 03 đoạn ống nhựa màu trắng cắt xéo 01 đầu, 01 lưới lam bị bể làm hai, 04 đoạn ống nhựa hàn kín một đầu.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh đã qua sử dụng, 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG màu xanh đã qua sử dụng.

6. Về án phí: Xử buộc các bị cáo Lê Minh T, Võ Văn Đ, Phạm Đức T2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng/bị cáo.

7. Về quyền kháng cáo Bản án: Căn cứ vào các điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND khu vực 6 – Cần Thơ;
- CQCSĐT CA Thành phố Cần Thơ;
- TAND Thành phố Cần Thơ
(Phòng GDKT, TT, THA);
- VKSND Thành phố Cần Thơ;
- THADS Thành phố Cần Thơ
(Phòng THADS khu vực 6 – Cần Thơ);
- Trại tạm giam số 02 CA thành phố Cần Thơ
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CA thành phố Cần Thơ
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thành Hữu